

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 48/2018/HS-PT
Ngày: 04 – 5 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Sang

Ông Nguyễn Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hồng Lạc – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2018/TLPT-HS ngày 08 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo **Phan Văn T, Phan Văn N và Phan Trung H** do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 03/2018/HS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo có kháng cáo:

Phan Văn T (S), sinh năm 1975 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: 1234A, khu phố TBA, thị trấn D, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N (chết) và bà Võ Thị K (chết); có vợ Nguyễn Thị T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

Phan Văn N, sinh năm 1982 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: 1234A, khu phố TBA, thị trấn D, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phan Văn N (chết)** và bà **Võ Thị K (chết)**; có vợ Trương Thị O và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

Phan Trung H (Đ), sinh năm 1995 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: khu phố T, thị trấn D, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt

Nam; con ông **Phan Văn N** và bà **Nguyễn Thị Ngọc T**; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam từ ngày 23/01/2018 đến nay. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 30/10/2016, **Lê Tuấn H1** đến uống cà phê tại quán của ông **Phạm Văn C** tại thị trấn D, huyện G, tỉnh Tây Ninh thì gặp Phan Văn T. Do từ trước quan hệ giữa hai bên không hòa thuận, tại quán cà phê có lời qua tiếng lại không vừa ý nên anh H1 dùng chai nước ngọt rỗng đánh vào đầu Phan Văn T, T cũng dùng chai nước ngọt rỗng đánh, hai bên xô xát nhau dẫn đến thương tích thì được can ngăn. Trên đường từ quán cà phê về, T gặp và kể chuyện đánh nhau cho em ruột là Phan Văn N biết, N kêu T về nhà gọi thêm người đến phụ N đánh lại H1. Khi về nhà, T kêu Phan Trung H đi phụ với N, còn T được gia đình đưa đến trung tâm y tế huyện G xử lý vết thương.

N và H mỗi người cầm một đoạn cây tầm vông nhọn ở ven đường, cùng nhau đi đến nhà H1. Khi thấy H1 đang ngồi trước nhà thì N chạy đến đánh 02 cái trúng vào vai trái và đầu của H1, H1 ôm Nh lại thì bị H đánh 02 cái trúng vào lưng. Thấy H1 chảy nhiều máu nên H và N bỏ chạy.

Kết luận giám định pháp y về thương tích của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Tây Ninh kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lê Tuấn H1 là 40%, đối với Phan Văn T là 5%.

Vật chứng thu giữ: Vỏ chai nước ngọt đã vỡ và nhiều mảnh thủy tinh.

Bản án số 03/2018/HS-ST ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phan Văn T (S), Phan Văn N và Phan Trung H (Đ) phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng khoản 3 Điều 104, điểm b, đ và p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn T 04 (bốn) năm tù, bị cáo Phan Văn N 03 (ba) năm tù và bị cáo Phan Trung H 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo T và Nh tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, đối với bị cáo H tính từ ngày 23/01/2018.

Ngoài ra, án còn tuyên về biện pháp tư pháp, nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/02/2018, các bị cáo Phan Văn T, Phan Văn N và Phan Trung H có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo T và N xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo H xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo về làm việc có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Văn T khai nhận ngày 30/10/2016 bị cáo có xảy ra xô xát với anh Lê Tuấn H1, sau đó về nhà kể lại sự việc cho Phan Văn N và Phan Văn H nghe và đi đánh anh H1; bị cáo N và H thừa nhận hành vi dùng cây tầm vông đánh vào đầu, lưng anh H1 gây thương tích. Hành vi được cáo bị cáo thừa nhận phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Kết luận giám định xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh H1 là 40%. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, thấy rằng: Các bị cáo nhận thức rõ hành vi dùng cây tầm vông là hung khí nguy hiểm hành hung người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích, động cơ cá nhân, muốn thỏa mãn việc trả thù mà không nghĩ đến hậu quả, bất chấp pháp luật. Do đó, cần xử lý nghiêm các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình giải quyết vụ án thành khẩn khai báo thể hiện thái độ ăn năn hối cải; sự việc xảy ra nguyên nhân có một phần lỗi do bị hại đánh bị cáo T trước nên bị cáo T đánh trả dẫn đến ẩu đả lẫn nhau, bị cáo N là em ruột và bị cáo H là cháu ruột của bị cáo T bị kích thích tinh thần nên tìm bị cáo H1 đánh nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm đ và p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự là phù hợp. Ngoài ra, bị cáo H đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, bị cáo T và N có cậu ruột tên Võ Văn Đ là liệt sĩ tuy không thuộc trường hợp quan hệ thân nhân trực hệ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự là có lợi cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Án sơ thẩm áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo mức hình

phạt thấp hơn mức quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo T 04 năm tù, bị cáo N và H 03 năm tù là phù hợp, không nặng.

Các bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ mới. Bị cáo T bị xử phạt 04 năm tù nên không đủ điều kiện hưởng án treo. Các bị cáo N và H là người trực tiếp dùng hung khí nguy hiểm đánh anh H1 gây nên hậu quả tổn thương cơ thể 40%, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính côn đồ, hung hãn nên cần xử lý nghiêm. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo cho các bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Giữ nguyên án sơ thẩm đối với các bị cáo.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Văn T (S), Phan Văn N và Phan Trung H (Đ). Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng khoản 3 Điều 104, các điểm b, đ và p khoản 1 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 41/2017/QHH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Văn T (S) 04 (bốn) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Phan Văn N 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Phan Trung H (Đ) 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/01/2018.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Phan Văn T (S), Phan Văn N và Phan Trung H (Đ) mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh TN;
- CQHSNVCS CA huyện;
- TAND cấp huyện;
- VKSND cấp huyện;
- Bị cáo;
- Lưu THS, hồ sơ vụ án.

(đã ký)
Nguyễn Thị Tuyết Vân